

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/DS-ST
Ngày: 08- 10- 2019
*V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba

Ông Lê Văn Nhậm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số 89, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, Số 96 C, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH quản lý tài sản N kiêm Phó Giám đốc Khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ

Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018.

Những người được ủy quyền lại:

- Ông Nguyễn Minh P – chức vụ: Chuyên viên tổ tụng.

- Bà Nguyễn Thị Minh H – chức vụ: Chuyên viên tổ tụng.

Cùng địa chỉ: Tầng 2, Số 96 C, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.
Văn bản ủy quyền số 1563 ngày 16/5/2019.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H và ông L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2019 và các lời khai tại tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V do bà Nguyễn Thị Minh H đại diện trình bày:

Ngày 10/7/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) có ký hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Văn L với hình thức mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử để vay số tiền 55.000.000 đồng. Theo thỏa thuận thời hạn vay 36 tháng, với lãi suất thay đổi theo cơ chế điều chỉnh lãi suất của ngân hàng: Điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là 01/01/2018, lãi suất thời điểm cho vay là 35%/năm. Khách hàng trả nợ gốc, nợ lãi theo định kỳ từng tháng (vào ngày 19 dương lịch hàng tháng); trả nợ kỳ đầu tiên vào ngày 19/8/2017, tổng cộng 36 kỳ. Lãi suất hiện nay là 35,50%/năm, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Ngày 19/7/2017, nguyên đơn đã giải ngân cho ông L số tiền vay nêu trên. Khi cho vay hai bên không cầm cố hoặc thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán nợ.

Sau khi được giải ngân số tiền 55.000.000 đồng, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng 04 lần với tổng số tiền 24.059.531 đồng; Trong đó thanh toán nợ gốc là 3.174.754 đồng và số tiền lãi là 20.884.777 đồng. Kể từ ngày 23/7/2018 ông L không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn. Ngày 19/11/2017 khoản vay của ông L đã chuyển thành nợ quá hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Dư nợ của hợp đồng tín dụng là 88.916.056 đồng tính đến ngày 08/10/2019. Nay, Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền còn nợ là 88.916.056 đồng (trong đó nợ gốc là 51.825.246 đồng, nợ lãi là 37.090.810 đồng) và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Ông L cho rằng hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Ngân hàng giảm cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền nợ lãi, Ngân hàng không đồng ý.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ngày 10/7/2017, ông có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần V với hình thức mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử để vay số tiền 55.000.000 đồng. Theo thỏa thuận thời hạn vay 36 tháng, lãi suất thay đổi theo cơ chế điều chỉnh lãi suất của ngân hàng: Điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là 01/01/2018, lãi suất thời điểm cho vay là 35%/năm, trả nợ gốc, nợ lãi theo định kỳ từng tháng (vào ngày 19 dương lịch); trả nợ kỳ đầu tiên vào ngày 19/8/2017, tổng cộng 36

kỳ, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Ngày 19/7/2017, nguyên đơn đã giải ngân số tiền vay nêu trên và ông L đã nhận đủ. Khi cho vay hai bên không cầm cố hoặc thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông L đã thanh toán cho Ngân hàng 04 lần với tổng số tiền 24.059.531 đồng; Trong đó thanh toán nợ gốc là 3.174.754 đồng và số tiền thanh toán lãi là 20.884.777 đồng. Kể từ ngày 23/7/2018 ông L không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn. Ngày 19/11/2017 khoản vay của ông L đã chuyển thành nợ quá hạn, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Dư nợ của hợp đồng tín dụng là 88.916.056 đồng tính đến ngày 08/10/2019.

Nay, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông L phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền còn nợ là 88.916.056 đồng (trong đó nợ gốc là 51.825.246 đồng, nợ lãi là 37.090.810 đồng), ông đồng ý. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Ngân hàng giảm cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền nợ lãi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền vay tổng cộng gốc lãi là 88.916.056 đồng và lãi chậm thanh toán phát sinh kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L thanh toán số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của các đương sự nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 10/7/2017, Ngân hàng V ký hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Văn L bằng hình thức mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử. Nội dung hợp đồng là nguyên đơn cấp tín dụng cho ông L với số tiền là 55.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 35%/năm và thay đổi theo cơ chế điều chỉnh lãi suất của ngân hàng: Điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận ông L phải trả nợ gốc, nợ lãi theo định kỳ từng tháng (vào ngày 19 dương lịch); trả nợ kỳ đầu tiên vào ngày 19/8/2017 và tổng cộng phải trả 36 kỳ. Khi cho vay hai bên không cầm cố hoặc thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn L đã thanh toán cho Ngân hàng 04 lần với tổng số tiền 24.059.531 đồng (Trong đó nợ gốc là 3.174.754 đồng, nợ lãi là 20.884.777 đồng). Từ ngày 23/7/2018 ông L không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn là vi phạm thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng ngày 10/7/2017.

Ông Nguyễn Văn L xác định còn nợ của Ngân hàng V số tiền gốc còn lại là 51.825.246 đồng và tiền lãi là 37.090.810 đồng, tổng cộng: 88.916.056 đồng và đồng ý thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V, buộc ông Nguyễn Văn L phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V số tiền gốc, lãi tổng cộng: 88.916.056 đồng, được làm tròn 88.916.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn L đề nghị Ngân hàng giảm cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền lãi, Ngân hàng không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông.

[3] Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao để tính lãi chậm trả.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn L phải chịu 4.445.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Văn L phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 88.916.056 đồng, được làm tròn 88.916.000 đồng (Tám mươi tám triệu, chín trăm mười sáu nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 51.825.246 đồng và tiền lãi là 37.090.810 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.445.800 đồng (Bốn triệu, bốn trăm bốn mươi lăm ngàn, tám trăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0005424 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Minh Thảo